

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ - KỸ THUẬT WOLTAN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ - KỸ THUẬT WOLTAN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: WOLTAN ENGINEERING TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: WOLTAN ENGINEERING CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109880377

3. Ngày thành lập: 07/01/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

317b Phố Bạch Mai, Phường Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0877060128

Fax:

Email: Woltan.engineering@gmail.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa;	4610
6.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
7.	Bán buôn thực phẩm	4632
8.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
9.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
10.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
11.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
12.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

13.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu. Cụ thể: Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu.	4659
14.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
15.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
16.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
17.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
18.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
19.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Trừ mặt hàng cầm)	8299
20.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
21.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
22.	Lập trình máy vi tính	6201
23.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
24.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: - Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm.	6209
25.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
26.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
27.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí.	6399

28.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
29.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
30.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
31.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
32.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214(Chính)
33.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
34.	Quảng cáo (Loại trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
35.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
36.	Cho thuê xe có động cơ	7710
37.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại Nhà nước cấm)	4690
38.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) - Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)	4719
39.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
40.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
41.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
42.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
43.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
44.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
45.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
46.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (Chỉ kinh doanh khi đủ điều kiện của pháp luật)	1101
47.	Sản xuất rượu vang (Chỉ kinh doanh khi đủ điều kiện của pháp luật)	1102
48.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
49.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
50.	Sản xuất sợi	1311
51.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
52.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
53.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
54.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
55.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
56.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
57.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100

58.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
59.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
60.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
61.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
62.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác Chi tiết: - Sản xuất dây và cáp sợi tách biệt từ sắt, đồng, nhôm.	2732
63.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
64.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
65.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
66.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
67.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
68.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
69.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
70.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
71.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
72.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
73.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818

74.	Sản xuất máy thông dụng khác Chi tiết: - Sản xuất tủ lạnh hoặc thiết bị làm lạnh công nghiệp, bao gồm dây chuyền và linh kiện chủ yếu; - Sản xuất máy điều hoà nhiệt độ, dùng cho cả mô tô; - Sản xuất quạt không dùng cho gia đình; - Sản xuất máy lọc và máy tinh chế, máy móc cho hoá lỏng; - Sản xuất máy đóng gói như: Làm đầy, đóng, dán, đóng bao và máy dán nhãn; - Sản xuất máy làm sạch hoặc sấy khô chai cho sản xuất đồ uống; - Sản xuất thiết bị chưng cất và tinh cất cho tinh chế dầu, hoá chất công nghiệp, công nghiệp đồ uống. - Sản xuất máy chuyển nhiệt; - Sản xuất máy hoá lỏng khí và gas; - Sản xuất máy cung cấp gas; - Sản xuất máy cán láng hoặc máy cuộn và trục lăn (trừ cho kim loại và thủy tinh); - Sản xuất máy ly tâm (trừ máy tách kem và sấy khô quần áo); - Sản xuất miếng đệm và miếng hàn tương tự được làm từ kim loại hỗn hợp hoặc lớp kim loại đó; - Sản xuất máy bán hàng tự động; - Sản xuất các bộ phận cho máy có những mục đích chung; - Sản xuất quạt thông gió (quạt đầu hồi, quạt mái); - Sản xuất dụng cụ đo, máy cầm tay tương tự, dụng cụ cơ khí chính xác (trừ quang học);	2819
75.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
76.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
77.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm Hoạt động của nhà đấu giá (bán lẻ))	4774
78.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
79.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
80.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
81.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
82.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
83.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
84.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán lẻ trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động. - Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng).	4799

85.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng). Cụ thể: Vận tải hàng hóa thông thường: vận tải gỗ, vận tải gia súc, nông lâm sản, hàng hóa thông thường khác; Vận tải hàng nặng, vận tải container; Vận tải phế liệu, phế thải, rác thải, không đi kèm hoạt động thu gom hoặc đổ phế liệu, phế thải, rác thải. - Vận tải hàng hóa bằng xe có động cơ loại khác. Cụ thể: Vận tải hàng hóa bằng mô tô, xe máy có gắn động cơ; - Vận tải hàng hóa bằng xe thô sơ.	4933
86.	Vận tải hàng hóa hàng không	5120
87.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
88.	Bốc xếp hàng hóa	5224
89.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
90.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển - Logistics (Điều 4 Nghị định 163/2017/NĐ-CP)	5229
91.	Xuất bản phần mềm	5820
92.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
93.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
94.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển - Cho thuê máy bay, phương tiện bay không kèm người điều khiển - Cho thuê tàu, thuyền và kết cấu nổi không kèm người điều khiển - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu. Cụ thể: Cho thuê không kèm người điều khiển, các thiết bị và đồ dùng hữu hình khác thường được sử dụng như hàng hóa trong kinh doanh; Cho thuê thiết bị vận tải đường bộ (trừ xe có động cơ) không kèm người điều khiển.	7730
95.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
96.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091

97.	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật	3092
98.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099
99.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
100.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	3290
101.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
102.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
103.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
104.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
105.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
106.	Sản xuất điện	3511
107.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
108.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
109.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
110.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
111.	Thu gom rác thải độc hại	3812
112.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
113.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
114.	Tái chế phế liệu	3830
115.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
116.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
117.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
118.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
119.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
120.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
121.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
122.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
123.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
124.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
125.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
126.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

6. **Vốn điều lệ:** 2.200.000.000 VNĐ

7. **Danh sách thành viên góp vốn:**

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ - XUẤT NHẬP KHẨU VÀ DỊCH VỤ NMT		29 ngõ Núi Trúc, phố Núi Trúc, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.000.000.000	45,450	0106658328	
2	ĐỖ THỊ LIÊN	Việt Nam	317b Phố Bạch Mai, Phường Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	950.000.000	43,180	001148001540	
3	NGUYỄN MINH TÂN	Việt Nam	Số 51 Phố Hai Bà Trưng, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	250.000.000	11,370	001173024240	

8. **Người đại diện theo pháp luật:**

* **Họ và tên:** ĐỖ THỊ LIÊN **Giới tính:** Nữ
Chức danh: Chủ tịch hội đồng thành viên
Sinh ngày: 15/09/1948 **Dân tộc:** Kinh **Quốc tịch:** Việt Nam
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001148001540
Ngày cấp: 09/09/2016 **Nơi cấp:** Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Địa chỉ thường trú: 317b Phố Bạch Mai, Phường Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa chỉ liên lạc: 317b Phố Bạch Mai, Phường Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. **Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội